

Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định học thạc sĩ tại Trường Đại học Bình Dương

Factors influencing the decision to study a master's degree at Binh Duong University

Phạm Hồng Nhung, Cao Thị Việt Hương

Trường Đại học Bình Dương, Bình Dương

Tác giả liên hệ: Phạm Hồng Nhung, Email: phnhung@bdu.edu.vn

Tóm tắt: Nghiên cứu được thực hiện nhằm xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định theo học chương trình thạc sĩ tại Trường Đại học Bình Dương, từ đó đưa ra các gợi ý quản trị để cải thiện chất lượng đào tạo, dịch vụ và tăng cường quyết định học thạc sĩ tại trường. Kết quả cho thấy có 6 yếu tố tác động đến quyết định học thạc sĩ tại Trường Đại học Bình Dương với mức độ giảm dần: (1) Chuẩn chủ quan; (2) Chất lượng đào tạo; (3) Học phí và các chính sách học phí; (4) Cơ hội nghề nghiệp; (5) Truyền thông; (6) Danh tiếng của trường.

Từ khóa: *Cơ hội nghề nghiệp; chuẩn chủ quan; danh tiếng của trường; dịch vụ hỗ trợ; quyết định học thạc sĩ.*

Abstract: The study was conducted to identify factors affecting the decision to study a master's program at Binh Duong University, thereby providing management suggestions to improve the quality of training, services and increase the decision to study a master's degree at the university. The results showed that there are 6 factors affecting the decision to study a master's degree at Binh Duong University with decreasing levels: (1) Subjective standards; (2) Training quality; (3) Tuition and tuition policies; (4) Career opportunities; (5) Communication; (6) University reputation.

Keywords: *Barriers to Development; Commercial Banks in Vietnam; Green Credit.*

1. Giới thiệu

Trong tình hình kinh tế mở như hiện nay, việc nâng cao dân trí để phát triển đất nước, cụ thể giáo dục được xem là một trong những phương tiện chính để cải cách và phát triển nền kinh tế của nước nhà. Phần lớn ở các nước phát triển và đang phát triển dân trí có trình độ tốt nghiệp Đại học trở lên. Do đó, việc học thạc sĩ cũng là một trong những cách thể hiện sự nỗ lực về trình độ của một cá nhân này so với những cá nhân khác. Bên cạnh đó, một cá nhân được đào tạo ở trình độ thạc sĩ sẽ có tư duy, kỹ năng, kinh nghiệm nỗ lực hơn so với những cá nhân có trình độ thấp hơn. Qua đó, góp phần cho việc phát triển nền kinh tế tỉnh Bình Dương nói riêng và đất nước nói chung.

Trước tình trạng này, việc tìm hiểu các yếu tố tác động đến quyết định học thạc sĩ tại Trường Đại học Bình Dương của các đối tượng học viên đã và đang học chương trình cao học. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất các hàm ý quản trị nhằm nâng cao các hoạt động đào tạo, truyền thông, từ đó khuyến khích người học quyết định chọn Trường Đại học Bình Dương học thạc sĩ là điều cần thiết cho trường.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết, mô hình nghiên cứu

Lý thuyết về hành vi của người tiêu dùng (Consumer behaviour) là một lĩnh vực trong kinh tế và marketing nghiên cứu về cách mà người tiêu dùng hành xử khi họ đối mặt với các quyết định mua hàng. Theo Hiệp hội Marketing Hoa Kỳ

(AMA), 2005 thì khái niệm về hành vi người tiêu dùng được định nghĩa rằng: Hành vi của người tiêu dùng là sự tác động qua lại giữa các yếu tố môi trường và nhận thức, hành vi của con người. Qua sự tương tác này, con người thay đổi cách sống của mình. Hành vi tiêu dùng chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, nhưng chủ yếu vẫn là các yếu tố như văn hóa, xã hội, cá nhân và tâm lý [1].

Theo Philip Kotler (2009) thì hành vi người của người tiêu dùng (Consumer behaviour) được định nghĩa “Một tổng thể những hành động diễn biến trong suốt quá trình kể từ khi nhận biết yêu cầu cho tới khi mua và sau khi mua sản phẩm”. Như vậy có thể nói rằng hành vi của người tiêu dùng là cách mà cá nhân quyết định phân bổ nguồn lực sẵn có của mình, bao gồm công sức, thời gian bỏ ra và tài chính, để sử dụng cho các sản phẩm tiêu dùng. Ngoài ra, các yếu tố xã hội, các yếu tố cá nhân, các yếu tố văn hóa tác động mạnh mẽ đến hành vi người tiêu dùng [2].

Bên cạnh đó, mô hình lý thuyết hành vi hợp lý (Theory of Reasoned Action - TRA) được Fisbein và Ajzen đề xuất vào năm 1975. Các tác giả này cho rằng ý định hành vi dẫn đến hành vi và ý định được quyết định bởi thái độ của cá nhân đối với hành vi và sự ảnh hưởng của các chuẩn mực chủ quan việc thực hiện các hành vi đó. Theo các tác giả, mô hình trong TRA gồm các thành phần như sau: Hành vi; Ý định hành vi; Thái độ đối với một hành động hoặc hành vi; Chuẩn mực chủ quan [3].

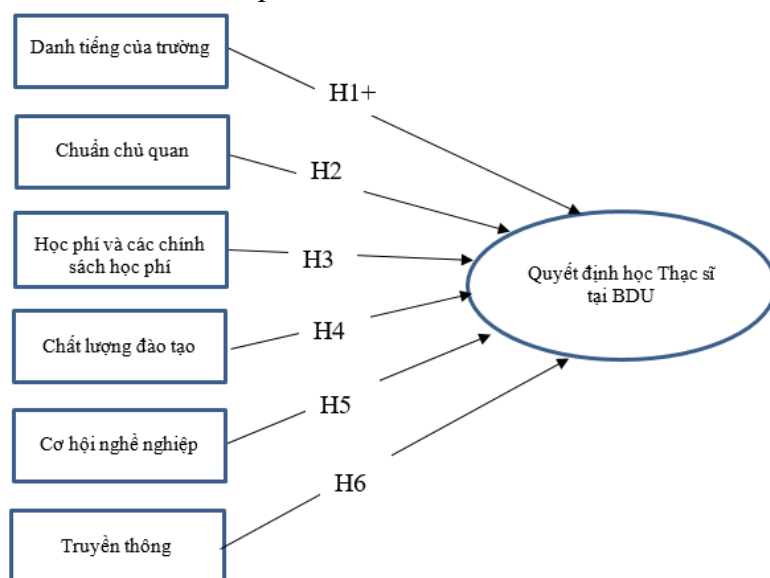
Đã có rất nhiều nghiên cứu trong và ngoài nước nghiên cứu các yếu tố ảnh

hưởng đến quyết định học thạc sĩ tại trường đại học mà họ lựa chọn, điển hình trong nước có nghiên cứu của Trương Thị Xuân Mai và các cộng sự (2020) "Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Đại học Tây Đô của học viên cao học chuyên ngành Quản trị kinh doanh" đã chỉ ra có 5 nhân tố ảnh hưởng lần lượt là: (1) Danh tiếng trường Đại học; (2) Học phí và chính sách đóng góp; (3) Chuẩn chủ quan; (4) Truyền thông [4]. Nghiên cứu của Bùi Văn Trịnh và Âu Nguyễn Thảo Nguyên (2021) "Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Đại học Tây Đô của học viên cao học ngành Dược lí Dược lâm sàng" cũng đã phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định gồm: (1) Năng lực giảng viên; (2) Chính sách học phí; (3) Đối tượng tham chiếu; (4) Đặc điểm cá nhân; (5) Truyền thông [5]. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Thanh Phương và các cộng sự (2023) "Các yếu tố tác động đến quyết định học thạc sĩ sau tốt nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trên địa bàn Hà Nội" lại phân tích

được 4 yếu tố ảnh hưởng đến quyết định học thạc sĩ sau tốt nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trên địa bàn Hà Nội theo thứ tự ảnh hưởng giảm dần như sau: (1) Cơ hội nghề nghiệp; (2) Động lực; (3) Đặc điểm cơ sở đào tạo; (4) Tài chính [6].

2.2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Với đặc điểm tình hình cho đến nay chưa có nghiên cứu nào liên quan đến đề tài này tại Trường Đại học Bình Dương, nhóm tác giả đã kế thừa các nghiên cứu của Trương Thị Xuân Mai và các cộng sự (2020) cùng Nguyễn Thị Thanh Phương và các cộng sự (2023) để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học thạc sĩ tại trường [4,6]. Các nhân tố được phân tích bao gồm sáu biến độc lập: Danh tiếng của trường, Chuẩn chủ quan, Học phí và các chính sách học phí, Chất lượng đào tạo, Cơ hội nghề nghiệp, và Truyền thông. Mô hình nghiên cứu đề xuất được thể hiện như hình 1:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp được nhóm tác giả sử dụng trong nghiên cứu này là phương pháp phi ngẫu nhiên, tham khảo ý kiến 6 chuyên gia thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo, tiến hành phỏng vấn trực tiếp với 30 học viên đang học nhằm hiệu chỉnh hoàn thiện bảng câu hỏi phù hợp với đối tượng và mục tiêu nghiên cứu.

Đối tượng nghiên cứu là học viên đã và đang học cao học tại Trường Đại học Bình Dương. Nhóm tác giả gửi phiếu câu hỏi khảo sát GoogleForm cho 494 thuộc đối tượng trên và thu được 366 phiếu đủ điều kiện đưa và phần mềm SPSS phân tích. Thời gian khảo sát từ 16/04/2024 đến 16/05/2024. Nhóm tác giả sử dụng các kỹ thuật nhằm kiểm định độ tin cậy của thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, và phân tích hồi quy.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Nhóm tác giả tiến hành đánh giá độ tin cậy của thang đo của tất cả mọi yếu tố để loại bỏ những yếu tố nào có độ tin

cậy thấp. Loại các biến quan sát có hệ số tương quan biến – tổng (giá trị Corrected Item – Total Correlation) nhỏ hơn 0.3; hoặc loại thang đo khi có độ tin cậy Cronbach's Alpha ở ngưỡng dưới 0.6; hoặc loại các biến quan sát khi có độ tin cậy Cronbach's Alpha (Cronbach's Alpha if Item Deleted) lớn hơn độ tin cậy Cronbach's Alpha của toàn thang đo. Sau khi loại bỏ các biến xấu trong thang đo, kết quả kiểm định thang đo ở Bảng 1. Kết quả cho thấy tất cả các biến đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0.6, đảm bảo độ tin cậy để tiến hành phân tích nhân tố khám phá EFA.

Đối với biến phụ thuộc QD, kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo có giá trị Cronbach's Alpha của thang đo là 0.723 có giá trị lớn hơn 0.6, các biến quan sát trong thang đo này đều có hệ số tương quan biến - tổng lớn hơn 0.3 cho thấy các biến quan sát đều đảm bảo độ tin cậy. Như vậy, thang đo QD đảm bảo độ tin cậy để tiến hành phân tích nhân tố khám phá.

Bảng 1. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo nhân tố độc lập

Tên biến	Mã hóa	Hệ số Cronbach's Alpha
Danh tiếng của trường	DT	0.842
Chuẩn chủ quan	CCQ	0.710
Học phí và các chính sách học phí	HP	0.749
Chất lượng đào tạo	CLDT	0.766
Cơ hội nghề nghiệp	CHNN	0.726
Truyền thông	TT	0.723

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

3.2. Phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis – EFA)

Nhằm đánh giá giá trị của thang đo, ta dùng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (Exploratory Factor Analysis – EFA). EFA dùng để rút gọn một tập k các biến quan sát thành một tập F ($F < k$) các nhân tố có ý nghĩa hơn. Phép trích nhân tố được sử dụng trong phân tích nhân tố khám phá là Principal axis factoring, phép xoay là Promax.

Kết quả phân tích ở bảng 2 cho ta thấy hệ số KMO có giá trị là 0.770 lớn hơn 0.5 và nhỏ hơn 1. Như vậy, phân tích EFA các biến độc lập là phù hợp với

dữ liệu nghiên cứu. Kiểm định Bartlett có giá trị Sig. là 0.000 nhỏ hơn mức ý nghĩa 5% nên các biến quan sát có tương quan với nhân tố đại diện trong mỗi nhóm.

Kết quả này cũng cho thấy phân tích EFA đã trích ra được 6 nhân tố đại diện cho 31 biến quan sát ban đầu trong các thang đo với giá trị Eigenvalues là 2.126 lớn hơn 1. Bên cạnh đó, giá trị tổng phương sai trích được là thấp nhất là 2.126 lớn hơn 1, tức là 6 nhân tố đại diện được trích ra từ phân tích EFA giải thích được 50.355% phương sai của 31 biến quan sát trong các thang đo (bảng 2).

Bảng 2. Kết quả phân tích EFA của các nhân tố độc lập

Nhân tố	Giá trị Eigenvalues			Tổng bình phương hệ số tải chưa xoay			Tổng bình phương hệ số tải đã xoay		
	Tổng	Phần trăm phương sai	Phương sai tích lũy	Tổng	Phần trăm phương sai	Phương sai tích lũy	Tổng	Phần trăm phương sai	Phương sai tích lũy
1	3.462	11.169	11.169	3.462	11.169	11.169	3.089	9.964	9.964
2	2.692	8.684	19.853	2.692	8.684	19.853	2.629	8.481	18.446
3	2.614	8.432	28.285	2.614	8.432	28.285	2.566	8.278	26.724
4	2.486	8.02	36.305	2.486	8.02	36.305	2.537	8.183	34.907
5	2.229	7.191	43.495	2.229	7.191	43.495	2.42	7.807	42.714
6	2.126	6.859	50.355	2.126	6.859	50.355	2.369	7.641	50.355
Hệ số KMO = 0.770 Sig.= 0.000 Eigenvalues= 2.126									

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Kết quả tính toán đối với nhân tố phụ thuộc cho thấy, hệ số KMO có giá trị là 0.823 lớn hơn 0.5 và nhỏ hơn 1. Như vậy, phân tích EFA là phù hợp với dữ liệu nghiên cứu. Kiểm định Bartlett có giá trị Sig. là 0.000 nhỏ hơn mức ý nghĩa

5% nên các biến quan sát có tương quan với nhân tố đại diện. Phân tích EFA đối với nhân tố phụ thuộc QD cho thấy từ 05 biến quan sát ban đầu được gom thành 01 nhân tố với giá trị Eigenvalues là 2.759 lớn hơn 1. Bên cạnh đó, giá trị

tổng phương sai trích được là 55.185%, tức là 1 nhân tố đại diện được trích ra từ phân tích EFA giải thích được 55.185% phương sai của 5 biến quan sát trong thang đo.

Để tiếp tục với bước phân tích hồi quy, các yếu tố trong phép xoay được mã hóa theo cách sau:

Nhân tố thứ nhất: bao gồm các biến quan sát là DT02, DT03, DT04, DT05, DT06. Gọi tên nhân tố này là DT, đại diện cho Danh tiếng của trường.

Nhân tố thứ hai: bao gồm các biến quan sát là CLDT01, CLDT02, CLDT03, CLDT04, CLDT05. Gọi tên nhân tố này là CLDT, đại diện cho Chất lượng đào tạo.

Nhân tố thứ ba: bao gồm các biến quan sát là TT01, TT02, TT03, TT04, TT05, TT06. Gọi tên nhân tố này là TT, đại diện cho Truyền thông.

Nhân tố thứ tư: bao gồm các biến quan sát là HP01, HP02, HP03, HP04, HP05. Gọi tên nhân tố này là HP, đại diện cho Học phí.

Nhân tố thứ năm: bao gồm các biến quan sát là CHNN02, CHNN03, CHNN04, CHNN05, CHNN07. Gọi tên nhân tố này là CHNN, đại diện cho Cơ hội nghề nghiệp.

Nhân tố thứ sáu: bao gồm các biến quan sát là CCQ01, CCQ02, CCQ03, CCQ04, CCQ05. Gọi tên nhân tố này là CCQ, đại diện cho Chuẩn chủ quan.

Nhân tố phụ thuộc đặt tên là QD, đại diện cho Quyết định học thạc sĩ tại BDU, bao gồm các biến quan sát là QD01, QD02, QD03, QD04, QD05. Các nhân tố đại diện được hình thành bằng cách tính giá trị trung bình của các biến quan sát thành phần.

3.3. Phân tích hồi quy tuyến tính

*Kết quả đánh giá độ phù hợp của mô hình được thể hiện ở bảng 3.

*Kết quả kiểm định độ phù hợp của mô hình được thể hiện ở bảng 4.

*Kết quả phân tích hồi quy được thể hiện ở bảng 5.

Bảng 3. Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R ²	Hệ số R ² hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Hệ số Durbin-Watson
1	.827 ^a	0.683	0.678	0.21670	2.069
a.Biến độc lập: TT, CCQ, CHNN, CLDT, HP, DT					
b.Biến phụ thuộc: QD					

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Bảng 4. Bảng phân tích phương sai ANOVA

Mô hình		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	36.375	6	6.062	129.098	.000 ^b
	Residual	16.859	359	0.047		
	Total	53.234	365			
a. Biến phụ thuộc: QD						
b. Biến dự báo (hằng số): TT, CCQ, CHNN, CLDT, HP, DT						

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Bảng 5. Kết quả phân tích hồi quy

Mô hình		Hệ số hồi quy chưa chuẩn hóa		Hệ số hồi quy chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê cộng tuyến	
		B	Std. Error	Beta			Độ chấp nhận	Hệ số VIF
1	(Hằng số)	0.032	0.116		0.276	0.783		
	DT	0.089	0.015	0.176	5.845	0.000	0.968	1.033
	CCQ	0.207	0.014	0.436	14.600	0.000	0.989	1.011
	HP	0.171	0.013	0.387	12.893	0.000	0.980	1.021
	CLDT	0.195	0.013	0.434	14.540	0.000	0.991	1.009
	CHNN	0.183	0.015	0.356	11.911	0.000	0.990	1.010
	TT	0.155	0.016	0.284	9.436	0.000	0.974	1.027
a. Biến phụ thuộc: QD								

(Nguồn: Kết quả phân tích của nhóm tác giả)

Kết quả phân tích ở bảng 4 cho thấy giá trị R² hiệu chỉnh có giá trị 0.678 tương ứng với 67.8%, như vậy các biến độc lập đưa vào phân tích hồi quy ảnh hưởng đến 67.8% sự thay đổi của biến phụ thuộc, còn lại 32.2% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Đây cũng là hạn chế của mô hình đã không phản ánh được hầu hết các nhân tố có ảnh hưởng đến quyết định học thạc sĩ tại

BDU. Hạn chế của mô hình cần được khắc phục trong những nghiên cứu tiếp theo nhằm đảm bảo mô hình được đầy đủ hơn. Bên cạnh đó, hệ số Durbin-Watson có giá trị 2.069 nằm trong khoảng 1.5 đến 2.5, như vậy mô hình không có hiện tượng tự tương quan chuỗi bậc nhất xảy ra.

Kết quả phân tích Anova ở bảng 5 cho thấy kết quả giá trị Sig kiểm định F là 0.000 nhỏ hơn 0.05, như vậy mô hình hồi quy có ý nghĩa. Điều này thể hiện sự kết hợp giữa các biến trong mô hình có thể giải thích được sự thay đổi của biến phụ thuộc, 366 mẫu quan sát thu thập đại diện được cho tổng thể.

Dựa trên kết quả phân tích hồi quy ở bảng 6, tất cả các biến đều có ảnh hưởng đến biến phụ thuộc, vì giá trị sig kiểm định t của từng biến độc lập đều nhỏ hơn 0.05. Do đó, không có biến nào bị loại khỏi mô hình. Bên cạnh đó, hệ số VIF các biến độc lập DT, CCQ, HP, CLDT, CHNN, TT lần lượt có giá trị là 1.033, 1.011, 1.021, 1.009, 1.010, 1.027 đều nhỏ hơn 5, như vậy không có đa cộng tuyến xảy ra.

Kết quả ở bảng 6 cũng cho thấy các hệ số hồi quy đều có giá trị lớn hơn 0, nghĩa là tất cả các biến độc lập trong phân tích hồi quy đều tác động cùng chiều với biến phụ thuộc. Dựa vào độ lớn của hệ số hồi quy chuẩn hóa Beta, mức độ tác động của các biến độc lập lên biến phụ thuộc QD theo thứ tự từ mạnh nhất đến yếu nhất lần lượt như sau: CCQ ($\beta = 0.436$), CLDT ($\beta = 0.434$), HP ($\beta = 0.387$), CHNN ($\beta = 0.356$), TT ($\beta = 0.284$) và DT ($\beta = 0.176$).

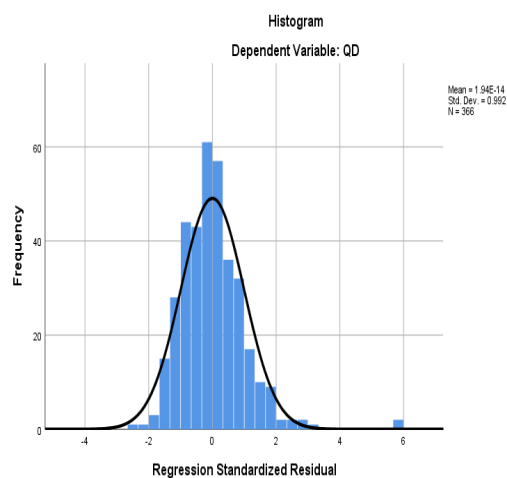
Như vậy từ bảng phân tích hồi quy và kiểm định các giả thuyết thống kê, phương trình hồi quy chuẩn hóa các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học thạc sĩ tại Trường Đại học Bình Dương được trình bày như sau:

$$QD = 0.436*CCQ + 0.434*CLDT + 0.387*HP + 0.356*CHNN + 0.284*TT + 0.176*DT.$$

Thông qua mô hình này ta thấy quyết định học thạc sĩ tại Trường Đại học Bình Dương chịu ảnh hưởng cùng chiều, tác động dương bởi 06 nhân tố độc lập là CCQ, CLDT, HP, CHNN, TT và DT.

** Đánh giá giả định hồi quy thông qua biểu đồ tần số phần dư chuẩn hóa Histogram*

Đánh giá giả định hồi quy có thể thông qua 3 biểu đồ: Biểu đồ tần số của các phần dư Histogram; Biểu đồ phần dư chuẩn hóa Normal O-P Plot; Biểu đồ Scatter Plot kiểm tra giả định liên hệ tuyến tính. Trong phạm vi nghiên cứu này, nhóm tác giả giới thiệu điển hình biểu đồ tần số của các phần dư Histogram, kết quả thể hiện ở hình 2.



Hình 2. Biểu đồ tần số của phần dư chuẩn

Biểu đồ thể hiện ở hình 2 cho thấy, giá trị trung bình Mean là $1.94E-14$ gần bằng 0, độ lệch chuẩn là 0.992 gần bằng 1, như vậy phân phối phần dư là xấp xỉ chuẩn. Do đó, có thể kết luận rằng, giả định phân phối chuẩn của phần dư không bị vi phạm.

** Kiểm định giả thuyết và hiệu chỉnh mô hình nghiên cứu:*

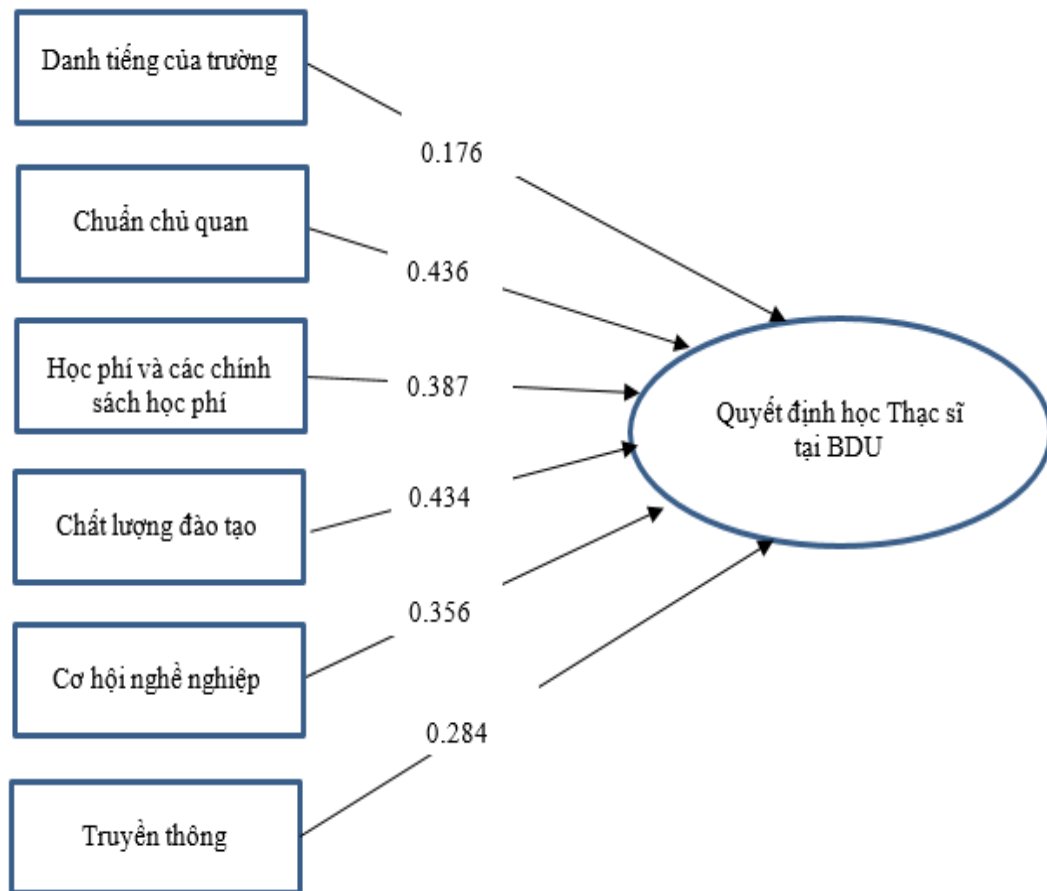
Thống kê mô tả kết quả hồi quy thể hiện ở bảng 6.

Như vậy các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5, H6 cho mô hình nghiên cứu lý thuyết được chấp nhận. Thông qua kết quả kiểm định mô hình lý thuyết chính thức, cụ thể là kết quả hồi quy tuyến tính đa biến, ta có mô hình điều chỉnh thể hiện tại hình 3:

Bảng 6. Mô tả kết quả hồi quy so với kỳ vọng ban đầu

Nhân tố	Tên nhóm	Dấu kỳ vọng	Dấu hệ số tương quan	Dấu hệ số hồi quy	Kết quả
DT	Danh tiếng của trường	+	+	+	Phù hợp với thực tế, phù hợp với kỳ vọng
CCQ	Chuẩn chủ quan	+	+	+	Phù hợp với thực tế, phù hợp với kỳ vọng
HP	Học phí và các chính sách học phí	+	+	+	Phù hợp với thực tế, phù hợp với kỳ vọng
CLDT	Chất lượng đào tạo	+	+	+	Phù hợp với thực tế, phù hợp với kỳ vọng
CHNN	Cơ hội nghề nghiệp	+	+	+	Phù hợp với thực tế, phù hợp với kỳ vọng
TT	Truyền thông	+	+	+	Phù hợp với thực tế, phù hợp với kỳ vọng
QD	Quyết định học thạc sĩ tại BDU	+	+	+	Phù hợp với thực tế, phù hợp với kỳ vọng

(Nguồn: Nhóm tác giả tổng hợp từ kết quả phân tích)



Hình 3. Mô hình nghiên cứu lý thuyết hiệu chỉnh

3. Kết luận và một số hàm ý quản trị

3.1. Kết luận

Với phương pháp phân tích dữ liệu thông qua phần mềm SPSS 25.0 với các kỹ thuật kiểm định Cronbach's Alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, phân tích tương quan hồi quy tuyến tính, kết quả của nghiên cứu xác định được 06 nhân tố ảnh hưởng đến quyết định học thạc sĩ tại Trường Đại học Bình Dương theo giá trị giảm dần như sau: (1) Chuẩn chủ quan; (2) Chất lượng đào tạo; (3) Học phí và các chính sách học phí; (4) Cơ hội nghề nghiệp; (5) Truyền thông; (6) Danh tiếng của trường. Tuy nhiên do hạn chế về phạm vi cũng như cỡ mẫu

nên mức độ tác động của các nhân tố lên quyết định học thạc sĩ tại Trường Đại học Bình Dương (BDU) là khác nhau. Nhân tố “Chuẩn chủ quan” tác động mạnh nhất với hệ số $\beta = 0.436$ cho thấy ngoài các nhân tố khách quan, nhân tố chủ quan của người học là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định học để nâng cao trình độ, phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

3.2. Một số hàm ý quản trị

“Chuẩn chủ quan” của cá nhân người học là một trong những nhân tố quan trọng để đưa ra quyết định tiếp tục học nâng cao ở chương trình thạc sĩ. Dựa trên nhân tố quan trọng này, BDU nên

có các giải pháp xây dựng các chiến lược nhằm tác động đến các cá nhân có ảnh hưởng xung quanh người học, điển hình như: tăng cường các hoạt động kết nối cộng đồng; tổ chức các buổi hội thảo, các sự kiện liên quan đến các hoạt động giảng dạy học tập thạc sĩ và đa dạng hóa các đối tượng tham gia để truyền tải rộng rãi các hoạt động của nhà trường.

“Chất lượng đào tạo” là một trong những nhân tố hàng đầu để kiến tạo nên thương hiệu của một trường đại học. Bên cạnh duy trì, phát huy những điểm mạnh mà BDU đang có, BDU phải luôn tăng cường định kỳ tổ chức đánh giá và nâng cao chất lượng đào tạo; xây dựng và nâng cao uy tín học thuật; BDU phải đa dạng hóa nguồn tài liệu nghiên cứu trên các nền tảng số hóa như trực tuyến cũng như tại chỗ (Thư viện), tài liệu trực tuyến, tài liệu bằng tiếng nước ngoài để thêm phong phú nội dung tham khảo cho người học; ngoài ra, nên nâng cao cơ sở vật chất, bố trí khuôn viên nghi ngơi, thư giãn phối hợp với mô hình Bookcoffee.

“Truyền thông”: ngoài việc duy trì, cải thiện chất lượng bên trong, bên cạnh các hoạt động truyền thông truyền thống nhằm truyền tải thông tin đến người học, cộng đồng. Hoạt động tài trợ, chuyển giao công nghệ cho cộng đồng xã hội: Tham gia vào các hoạt động tài trợ, chuyển giao công nghệ để xây dựng thương hiệu và mối quan hệ tốt đẹp với cộng đồng. Điều này không chỉ giúp cải thiện hình ảnh trường mà còn thu hút sự quan tâm và lòng tin từ phía người học và cộng đồng. Hiện tại BDU đã thực

hiện được các chương trình chuyển giao công nghệ do các công trình của BDU nghiên cứu tại tỉnh Bình Phước và được phản hồi rất tốt bởi hoạt động này. BDU nên phát huy thêm tại các địa bàn khác, đây là một trong những phương pháp định vị vị thế của BDU trong cộng đồng và xã hội một cách uy tín và chất lượng nhất.

Tài liệu tham khảo

- [1] American Marketing Association, "Consumer behavior," *AMA Dictionary*, [Online]. Available: <https://www.ama.org>. [Accessed: 06-Oct-2024].
- [2] P. Kotler, D.K., *Marketing Management*. Indeks, Jakarta, pp 63, 2009.
- [3] M. Fishbein and I. Ajzen, *Belief, Attitude, Intention, and Behavior: An Introduction to Theory and Research*. Reading, MA, USA: Addison-Wesley, 1975.
- [4] T. T. X. Mai, M. T. Loan và Đ. D. Hân, "Nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Đại học Tây Đô của học viên cao học chuyên ngành Quản trị kinh doanh", *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế Trường Đại học Tây Đô*, Số 10, tr. 53-67, 2020.
- [5] B. V. Trịnh và Á. N. T. Nguyên, "Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định chọn Trường Đại học Tây Đô của học viên cao học ngành Dược lí Dược lâm sàng", *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và Phát triển kinh tế, Trường Đại học Tây Đô*, Số 11, tr. 33-46, 2021.

- [6] N. T. T. Phương, T. Q. Nhi, N. T. H. Phương, N. V. Quân và T. T. Hằng, "Các yếu tố tác động đến quyết định học thạc sĩ sau tốt nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trên địa bàn Hà Nội", *Tạp chí Kinh tế Dự báo*, Số 09(836), tr. 101-104, 2023.
- [7] T. H. Cường, "Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định chọn trường Đại học Văn Hiến học thạc sĩ quản trị kinh doanh của học viên", *Tạp chí Công thương – Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ*, Số 29+30, tháng 12/2020, 2021.

Ngày nhận bài: 30/8/2024

Ngày hoàn thành sửa bài: 09/10/2024

Ngày chấp nhận đăng: 11/10/2024